TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Quyên** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1984

Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú: Số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú: Lô X, Căn Y, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1976

Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú: Số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Địa chỉ hiện nay: Lô X, Căn Y, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 của nguyên đơn Ngô Thị T, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ợc vào ngày 01/3/2021, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

* Chị Ngô Thị T trình bày:

Vào năm 2002, tôi cùng anh Nguyễn Thanh P tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình hai bên, chúng tôi có tổ chức lễ c- ới vào ngày 04/12/2002 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường V, thành phố R, tỉnh K vào ngày 05/8/2015; đã đ- ợc UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2015, quyển số 01.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngô Thanh N, sinh ngày 25/12/2003 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 18/9/2011 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng từ khi tôi và anh P ly thân cho đến nay; có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, Lô N, Căn M, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K và thửa đất số D, tờ bản đồ số T, Lô K, Căn D, đường Số Y, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K; không có nợ chung.

Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Thanh P hạnh phúc, chúng tôi chung sống tại nhà trọ số nhà X, đường M, phường V, thành phố R, tỉnh K nhưng chúng tôi có hộ khẩu chung với hộ khẩu của cha mẹ tôi tại số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K; từ tháng 8/2015 thì chúng tôi có đất, nhà riêng và cùng chung sống tại Lô X, Căn Y, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K cùng hai con. Thời gian gần đây thì giữa tôi và anh P luôn phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chúng tôi đã ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay, tôi cùng hai con về sinh sống tại số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K, anh Nguyễn Thanh Phong vẫn sinh sống tại Lô X, Căn Y, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K cho đến nay.

Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Thanh P;

- Về con chung: Đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngô Thanh N, sinh ngày 25/12/2003 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 18/9/2011 cho đến khi cháu Thanh N, cháu Quốc H tròn 18 tuổi; tôi không yêu cầu anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Thanh P theo quy định của pháp luật, nh- ng anh Nguyễn Thanh P không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của anh Nguyễn Thanh P.

* Tại phiên tòa, chị Ngô Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên và bổ sung là hiện nay chị làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

* □ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P do chị Ngô Thị T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2002, chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 31/12/2020, chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Thanh P và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P; anh Nguyễn Thanh P có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K nhưng hiện nay anh Nguyễn Thanh P sinh sống, tạm trú tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh P không có yêu cầu phản tố mặc dù Tòa án đã thông báo cho anh Phong theo quy định của pháp luật. Do đó, đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Nguyễn Thanh P tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23/3/2021 cho anh Nguyễn Thanh P theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Thanh P vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng, đ- ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Ngô Thị T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thanh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T:

2.1. Về hôn nhân: Năm 2002, chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c- ới, nhưng đến năm 2015 thì anh, chị mới đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố R, tỉnh K, đã đ- ợc UBND

phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ngô Thị T yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Xét rằng: Tuy anh Nguyễn Thanh P không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo xác nhận của Công an xã V, huyện C, tỉnh K và kết quả xác minh của Tòa án thì anh Nguyễn Thanh Phong có hộ khẩu thường trú tại số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K; từ năm 2015 đến nay thì anh Phong và chị Thắm có nhà riêng tại Lô X, Căn Y, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K, sinh sống, đăng ký tạm trú tại địa chỉ này và hiện nay anh Nguyễn Thanh Phong vẫn cư trú tại Lô X, Căn Y, đường Số Z, khu dân cư N, tổ M, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K; chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngô Thanh N, sinh ngày 25/12/2003 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 18/9/2011 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau gần một năm nay, chị T và hai con về sinh sống tại số nhà X, đường C, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K (BL 24, 26-28). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh P không hợp tác mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện cho anh P rất nhiều lần- chứng tỏ anh Nguyễn Thanh P không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Ngô Thị T. Tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu được ly hôn với anh P. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngô Thanh N, sinh ngày 25/12/2003 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 18/9/2011 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Ngô Thị T: Từ khi chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P ly thân đến nay thì cả hai cháu Thanh N, Quốc H đ- ợc chị T trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục; căn cứ vào nguyện vọng của 02 cháu vào ngày 11/01/2021 (BL 26, 27), nghề nghiệp, thu nhập hiện nay của chị T, quyền lợi về mọi mặt của cả hai cháu và để ổn định tình cảm, tâm lý cho các cháu, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ngô Thị T.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Chị Ngô Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo

quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị T.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Ngô Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngô Thị T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Ngô Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006874, ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Ngô Thị T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thanh P.

2- Về con chung: Cho chị Ngô Thị T đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngô Thanh N, sinh ngày 25/12/2003 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 18/9/2011 cho đến khi cháu Thanh N, cháu Quốc H tròn 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh N, cháu Quốc H vào ngày 11/01/2021); anh Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ợc quyền cản trở.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con: Do chị Ngô Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Ngô Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngô Thị T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Ngô Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006874, ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Ngô Thị T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND phường V - tp R - K (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng